|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025* |

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN LIÊN QUAN VỀ HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức lấy ý kiến các bộ, cơ quan liên quan đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định lên trang thông tin điện tử của NHNN.

1. Đến ngày 05/9/2025, NHNN nhận được ý kiến của 08 bộ, cơ quan liên quan (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ KHCN, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Ngoại giao).

2. Kết quả cụ thể như sau:

| **STT** | **Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ tiền di động (dự thảo lấy ý kiến)** | **Nội dung tham gia ý kiến** | **Đơn vị góp ý** | **Ý kiến giải trình, tiếp thu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Ý KIẾN CHUNG** | | | |
| **1** |  | Hiện nay, việc thí điểm dịch vụ dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (nay đổi tên là dịch vụ Tiền di động tại dự thảo Nghị định) được thực hiện theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, thời gian thực hiện thí điểm đến hết ngày 31/12/2025[[1]](#footnote-1). Do đó, Bộ Tài chính nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện sau khi thời gian thí điểm kết thúc. | Bộ Tài chính | Tiếp thu |
| **2** |  | Thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động của NHNN | Bộ Quốc phòng | Tiếp thu |
| **3** |  | Căn cứ Thông báo số 454/TB-VPCP ngày 04/11/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị tổng kết và ký kết Nghị quyết liên tịch về công tác phối hợp giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản do các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức được giao chủ trì soạn thảo về lĩnh vực có tính chuyên ngành, chuyên biệt. | Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam | Tiếp thu |
| **4** |  | - Đề nghị rà soát Hồ sơ dự thảo Nghị định để bảo đảm thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định khi được Chính phủ ban hành.  - Đồng thời, phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả như xác định rõ trách nhiệm của Bộ, ngành theo phân công hiện nay của Chính phủ; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; vấn đề phân cấp, phân quyền; cắt giảm thủ tục hành chính... | Bộ Nội vụ | Tiếp thu  NHNN đã rà soát bảo đảm thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; vấn đề phân cấp, phân quyền; cắt giảm thủ tục hành chính…). |
| **5** |  | Bộ Công an cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng. | Bộ Công an | Tiếp thu |
| **6** |  | Với lý do nêu tại mục I dự thảo Tờ trình, Bộ Tư pháp cơ bản nhất trí về sự cần thiết của việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình về cơ sở chính trị, cơ quan chủ trì soạn thảo cần tách bạch rõ hơn giữa cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý, trong đó, tiếp tục rà soát, bổ sung Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Về cơ sở pháp lý, dự thảo Tờ trình cần bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (đã sửa đổi, bổ sung), Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Viễn thông, Luật Phòng, chống rửa tiền, bảo đảm sự thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định. Về cơ sở thực tiễn, trên cơ sở tổng kết, đánh giá Quyết định số 316/QĐTTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ tồn tại, bất cập, nguyên nhân do cơ chế, chính sách, do thực thi (hay do cả hai), trong đó, nêu rõ những nội dung kế thừa, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) so với Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, tạo cơ sở đầy đủ, chắc chắn, rõ ràng cho việc ban hành Nghị định; góp phần bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh, đa dạng hóa phương thức thanh toán, đáp ứng đầy đủ yêu cầu khách quan của thực tiễn, phù hợp với chủ trương, chính sách về tài chính toàn diện, thanh toán không dùng tiền mặt | Bộ Tư pháp | Tiếp thu |
| **II** | **Ý KIẾN CỤ THỂ** | | | |
| **1** | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh |  |  |  |
|  | Nghị định này quy định về việc doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động). | Đề nghị cân nhắc sửa nội dung Điều 1 thành:  “*Nghị định này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động, bao gồm: mở và sử dụng tài khoản Tiền di động; việc cung ứng dịch vụ Tiền di động; trách nhiệm của các bên liên quan trong việc tổ chức, quản lý và cung ứng hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động*”.  Lý do: Để tránh lặp lại các quy định tại Điều 3 Giải thích từ ngữ. | Bộ KHCN | Tiếp thu ý kiến, NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa tên dự thảo Nghị định và nội dung định nghĩa phù hợp tại dự thảo Nghị định |
| Tại Điều 1 đề nghị sửa đổi, bổ sung thành *“Nghị định này quy định về việc tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền/rút tiền, chuyển tiền/nhận tiền tại tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động)”* | Bộ Công an |
| Phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Nghị định có nhiều nội dung liên quan đến quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, chỉnh lý tên gọi theo hướng bao quát, phù hợp với phạm vi điều chỉnh và nội dung các quy định tại dự thảo Nghị định (ví dụ: Nghị định quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động). | Bộ Tư pháp |
| **2** | Điều 2. Đối tượng áp dụng |  |  |  |
|  | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  3. Cá nhân sử dụng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi là khách hàng). | 3. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi là khách hàng).  Lý do:  - Bổ sung thêm đối tượng “Tổ chức” sử dụng dịch vụ Tiền di động tương tự như tổ chức sử dụng dịch vụ ví điện tử tại Thông tư 40/2024/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức sử dụng tài khoản thanh toán (Thông tư 40/2024/TT-NHNN), thẻ ngân hàng tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.  - Ngoài ra, căn cứ Khoản 31 Điều 3 Luật Viễn thông 2023, Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông, Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông được cung ứng dịch vụ cho cả đối tượng là tổ chức, cá nhân (người sử dụng dịch vụ viễn thông).  Do đó, đề xuất mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ Tiền di động bao gồm cả tổ chức. | Bộ KHCN | Không tiếp thu  Đối tượng sử dụng dịch vụ Tiền di động là cá nhân, quy định này kế thừa quy định tại Quyết định 316/QĐ-TTg và được thống nhất tại cuộc họp Tổ soạn thảo. |
| Điều 2 dự thảo Nghị định quy định 03 nhóm đối tượng, trong đó bao gồm tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động (khoản 2 Điều 2). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tách bạch nhóm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 nêu trên thành nhóm đối tượng của cơ quan quản lý nhà nước và nhóm đối tượng là các cá nhân, tổ chức có liên quan đến dịch vụ Tiền di động, đảm bảo các nhóm đối tượng này tương thích với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi trách nhiệm, nghĩa vụ của các đối tượng này theo quy định pháp luật | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, NHNN chỉnh sửa phù hợp |
| **3** | Điều 3. Giải thích từ ngữ |  |  |  |
|  | Trong Nghị định, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ Mobile Money cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.  3. Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động.  4. Đơn vị chấp nhận thanh toán (viết tắt là ĐVCNTT) quy định tại Nghị định này là tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông qua dịch vụ Tiền di động theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc thông qua các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Điểm kinh doanh là điểm cung ứng dịch vụ do chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trực tiếp sở hữu, thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động) hoặc điểm cung ứng dịch vụ có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng ủy quyền.  6. Ngân hàng hợp tác là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động về việc hợp tác cung ứng dịch vụ.  7. Tài khoản đảm bảo thanh toán là tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác để đảm bảo cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.  8. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động là Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. | - Tại Điều 3 (Giải thích từ ngữ) dự thảo Nghị định, đề nghị giải thích rõ hơn khái niệm “Tiền di động” (được dịch từ cụm từ “Mobile Money”) để phân biệt với một số hình thức thanh toán trung gian khác như Ví điện tử hoặc dịch vụ ngân hàng điện tử. | Bộ Nội vụ | Dịch vụ Tiền di động được định nghĩa cụ thể tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định.  Dịch vụ này được phân biệt với dịch vụ Ví điện tử (được quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP). |
| Bổ sung nội dung giải thích từ ngữ để làm rõ khái niệm Tiền di động, tránh hiểu nhầm với các khái niệm khác về đồng tiền số do Ngân hàng Trung ương phát hành (CBDC), các đồng tiền kỹ thuật số (stablecoins) hoặc các loại hình tài sản số khác | Bộ Ngoại giao | Tiếp thu  NHNN đã định nghĩa cụ thể dịch vụ Tiền di động |
| - Đề nghị sửa đổi khoản 2:  Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định, NHNN đã nhận định và định nghĩa về dịch vụ Tiền di động là một loại hình thanh toán trên cơ sở tận dụng hạ tầng, dữ liệu, mạng lưới viễn thông; cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (quy định tại khoản 2, Điều 3 dự thảo Nghị định). Nội dung này phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 250/TB-VPCP về dự thảo Quyết định phê duyệt triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money, theo đó: “bản chất Mobile-Money là nghiệp vụ thanh toán”. Để đưa dịch vụ này chính thức trở thành một hình thức thanh toán hợp pháp và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt như đã nêu trên, Bộ KHCN đề nghị NHNN bổ sung quy định dịch vụ Tiền di động là một phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt để bảo đảm sự quản lý, giám sát của nhà nước trong việc vận hành, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế. Cụ thể, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: “*2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ ~~Mobile Money~~ Tiền di động cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động Tiền di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Tiền di động là phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phát hành cho khách hàng, việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.”*  - Đề nghị sửa đổi khoản 3:  *“3. Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động* ***H2H*** *do ~~doanh nghiệp viễn thông~~* ***tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động*** *cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động****.****”*  **Lý do: (i)** Đề nghị sửa cụm từ “*số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông”* thành *“số thuê bao di động H2H”* để phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông, khoản 15 Điều 3 Nghị định 115/2025/NĐ-CP; **(ii)** Thay thế cụm từ “*doanh nghiệp viễn thông*” tại khoản 3 bằng cụm từ “*Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động*” cho thống nhất với các quy định tại dự thảo Nghị định. | Bộ KHCN | Tiếp thu chỉnh sửa một phần:  - Dịch vụ Tiền di động chưa được quy định ở văn bản pháp lý nào và không phải là phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.  -NHNN tiếp thu một phần, chỉnh sửa các thuật ngữ phù hợp tại dự thảo |
| Khoản 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung *“...tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền/rút tiền, chuyển tiền/nhận tiền tại tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán”* | Bộ Công an | NHNN đã nghiên cứu bổ sung đầy đủ các nghiệp vụ vào định nghĩa dịch vụ Tiền di động tại khoản 3 Điều này. |
| Khoản 5 đề nghị bỏ cụm từ *“hoặc lưu động”* tại quy định về điểm kinh doanh do tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, an toàn, lộ lọt dữ liệu... đối với điểm kinh doanh lưu động | Bộ Công an | Tiếp thu |
| Đề nghị đảo vị trí của khoản 2 và khoản 3. | Bộ Công an | Tiếp thu. NHNN đã chỉnh sửa |
| **4** | **Điều 4. Phạm vi cung ứng dịch vụ** 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài; việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài phải được thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế.3. Nguyên tắc lựa chọn điểm kinh doanha) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh, làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng ủy quyền với các điểm kinh doanh; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh. b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được phép lựa chọn điểm kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Số lượng điểm kinh doanh ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo phải đảm bảo chiếm trên 70% so với tổng số lượng điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | 1. Đề nghị sửa khoản 1  *“1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động,* ***chuyển tiền, nhận tiền từ tài khoản Tiền di động*** *và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.”*  **Lý do:**bổ sung nghiệp vụ chuyển tiền, nhận tiền do nghiệp vụ này có trong phạm vi sử dụng của tài khoản Tiền di động quy định tại Điều 9 Dự thảo Nghị định.  2. Đề nghị sửa điểm a khoản 3:  *“a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh, làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng ủy quyền với* ***doanh nghiệp thiết lập*** *~~các~~ điểm kinh doanh; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh.”*  **Lý do:** điểm kinh doanh có thể là điểm giao dịch thuộc doanh nghiệp khác và được giải thích tại khoản 5 Điều 3 dự thảo là “điểm cung ứng dịch vụ có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập”. Do vậy, để đảm bảo tư cách pháp lý ký kết hợp đồng ủy quyền cũng như đảm bảo nguồn lực của tổ chức cung ứng dịch vụ khi phát triển điểm kinh doanh, đề nghị sửa đổi, bổ sung như trên. | Bộ KHCN | 1. Tiếp thu, NHNN rà soát chỉnh sửa phù hợp  2. Tiếp thu, NHNN chỉnh sửa theo đề nghị của Bộ KHCN |
|  |  | Tại Điều 4 đề nghị chỉnh lý khoản 1, khoản 2 thành *“Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ nạp tiền/rút tiền, chuyển tiền/nhận tiền tại tài khoản tiền di động, thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài. Trường hợp thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài phải thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế”*. | Bộ Công an | Tiếp thu, NHNN nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp |
|  |  | Điều 4 dự thảo Nghị định quy định về phạm vi cung ứng giao dịch, bao gồm: (i) nạp tiền vào tài khoản; (ii) rút tiền khỏi tài khoản; (iii) thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài. Như vậy, so với phạm vi cung cấp dịch vụ tại Quyết định số 316/QĐ-TTg, phạm vi thanh toán được mở rộng hơn, do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ trong Tờ trình cơ sở/ lý do việc mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ tại dự thảo Nghị định so với Quyết định số 316/QĐ-TTg, đánh giá kỹ tác động đối với việc mở rộng này. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, NHNN hoàn thiện tại dự thảo Tờ trình |
| **5** | **Điều 6. Các hành vi bị cấm**1. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các nghiệp vụ khác ngoài các nghiệp vụ đã được quy định tại Điều 9 Nghị định này.2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp tín dụng cho khách hàng trên tài khoản Tiền di động, trả lãi trên số dư tài khoản Tiền di động hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm tăng giá trị tiền tệ trên tài khoản Tiền di động so với giá trị tiền được nạp vào tài khoản Tiền di động của khách hàng.3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoạt động ngân hàng (cho vay, huy động vốn).4. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các giao dịch cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.5. Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, trao đổi, tặng, cho hoặc mua, bán tài khoản Tiền di động, thông tin tài khoản Tiền di động.6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng nguồn tiền từ tài khoản Tiền di động của khách hàng cho các mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ.7. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng tài khoản Tiền di động để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.8. Ủy thác, giao đại lý cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động được phép theo Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.9. Gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.10. Hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Điều 6 dự thảo Nghị định quy định về hành vi bị cấm. Nội dung này cần được rà soát kỹ thể hiện đúng quan điểm, chủ trương tại Nghị quyết số 66- NQ/TW về việc dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Bên cạnh đó, về cơ bản, các điều cấm cần quy định bằng luật, việc quy định hành vi bị cấm và xử lý các hành vi bị cấm có liên quan đến pháp luật về hình sự, xử lý vi phạm hành chính, pháp luật khác có liên quan cần rà soát bảo đảm tính đồng bộ, tính thống nhất. Trường hợp cần thiết, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu  NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa phù hợp |
| **6** | Điều 7. Đối tượng khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động |  |  |  |
| Khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động là cá nhân sử dụng số thuê bao di động mặt đất đã đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Đề nghị sửa như sau:  *Khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động là* ***tổ chức,*** *cá nhân sử dụng số thuê bao di động mặt đất* ***H2H******đang được doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất theo quy định của pháp luật*** *~~đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động~~.”*  **Lý do:**  - Bổ sung thêm đối tượng “Tổ chức” sử dụng dịch vụ Tiền di động:  + Căn cứ quy định Khoản 31 Điều 3[[2]](#footnote-2) Luật Viễn thông 2023, Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông trong đó doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông được cung cấp dịch vụ cho cả đối tượng là tổ chức, cá nhân (người sử dụng dịch vụ viễn thông).  + Tương tự đối tượng tổ chức sử dụng dịch vụ ví điện tử tại Thông tư 40/2024/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.  **-** Đề nghị sửa cụm từ “*số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông”* thành *“số thuê bao di động H2H”* để phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông, khoản 15 Điều 3 Nghị định 115/2025/NĐ-CP.  - Theo quy định tại Điều 20 Nghị định 163/2024/NĐ-CP, ngoài việc hoàn thành đăng ký thông tin thuê bao, cá nhân chỉ được cung cấp dịch vụ viễn thông di động sau khi “*Doanh nghiệp đã hoàn thành việc xác thực, lưu giữ thông tin thuê bao di động mặt đất đầy đủ, chính xác theo quy định*”. | Bộ KHCN | Tiếp thu một phần và chỉnh sửa phù hợp:  Kế thừa quy định tại Quyết định 316, theo đó bảo lưu đối tượng khách hàng sử dụng dịch vụ là “cá nhân” |
| **7** | Điều 8. Việc mở tài khoản Tiền di động Việc mở tài khoản Tiền di động được thực hiện theo quy định của Bộ KHCN | Đề nghị sửa Điều 8 như sau: “Điều 8. Việc mở tài khoản Tiền di động:  *Việc mở tài khoản Tiền di động được thực hiện theo quy định của Bộ KHCN của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt*.  Lý do: Việc mở và sử dụng tài khoản Tiền di động phải gắn liền với nhau, được thực hiện và đồng bộ theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt nói chung quy định tại Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt; các văn bản hướng dẫn; và quy định một số nội dung riêng, đặc thù tại dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động, phù hợp về mặt bản chất cũng như chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt. | Bộ KHCN | Không tiếp thu  Kế thừa các quy định tại Quyết định 316, việc xây dựng, quản lý liên quan đến xác thực định danh khách hàng do Bộ KHCN là cơ quan quản lý và xây dựng quy định để đảm bảo việc xác thực định danh chính xác khách hàng. Theo đó, NHNN thống nhất với Bộ KHCN xây dựng hướng dẫn chi tiết nội dung này tại dự thảo. |
| Tại Điều 8: đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp Bộ KHCN nghiên cứu bổ sung quy định chi tiết về việc mở tài khoản Tiền di động để sau khi Nghị định này có hiệu lực, dịch vụ Tiền di động có thể thực hiện ngay, không phải chờ Thông tư hướng dẫn. | Bộ Công an | Tiếp thu, Bộ KHCN hướng dẫn chi tiết nội dung này tại dự thảo Nghị định |
| - Điều 8 dự thảo Nghị định quy định việc mở tài khoản Tiền di động được thực hiện theo quy định của Bộ KHCN. Để có đầy đủ cơ sở pháp lý cho Bộ KHCN quy định về việc mở tài khoản Tiền di động, dự thảo Nghị định cần được bổ sung quy định mang tính chất nguyên tắc về việc mở tài khoản tiền di dộng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ KHCN theo quy định pháp luật.  - Quy định tại dự thảo Nghị định về việc sử dụng tài khoản Tiền di động cần được rà soát để bảo đảm tính bao quát, thống nhất giữa quy định tại Điều 9 và Điều 10 của dự thảo Nghị định (ví dụ, điểm d khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định và quy định tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định). | Bộ Tư pháp | Tiếp thu  Bộ KHCN thống nhất hướng dẫn chi tiết tại Điều này về việc mở tài khoản Tiền di động |
| **8** | Điều 9. Sử dụng tài khoản Tiền di động |  |  |  |
| 1. Việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua:a) Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;b) Nhận tiền từ tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ;c) Nhận tiền từ Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;d) Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động.2. Chủ tài khoản Tiền di động được sử dụng tài khoản Tiền di động để:a) Rút tiền mặt từ tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;b) Rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động về Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;c) Chuyển tiền đến tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;d) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động;đ) Chuyển tiền đến Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; e) Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật. | Tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định việc nạp tiền, rút tiền, chuyển tiền của chủ tài khoản Tiền di động thông qua Ví điện tử nhưng phải là Ví điện tử tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. Đề nghị NHNN báo cáo, làm rõ căn cứ, cơ sở quy định hạn chế việc nạp, rút tiền giữa Ví điện tử với tài khoản Tiền di động trong cùng tổ chức cung ứng dịch vụ mà không cho phép nạp, rút tiền giữa tài khoản Tiền di động với Ví điện tử của cùng chủ tài khoản được mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ khác. | Bộ Tài chính | Tiếp thu, NHNN rà soát, chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Nghị định. |
|  | Đề nghị bổ sung các quy định để tài khoản Tiền di động có thể thực hiện đủ các nghiệp vụ nạp tiền/rút tiền, chuyển tiền/nhận tiền, thanh toán tương tự các phương tiện thanh toán hợp pháp khác | Bộ Công an | Tiếp thu một phần, NHNN chỉnh sửa phù hợp. |
| **9** | Điều 10. Hạn mức giao dịch tài khoản Tiền di động |  |  |  |
| 1. Tổng hạn mức giao dịch qua các tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (bao gồm giao dịch rút tiền, chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại Điều 9 Nghị định này tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các giao dịch thanh toán: Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; điện; nước; viễn thông; các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ; học phí; viện phí; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí bảo hiểm theo quy định tại [Luật Kinh doanh bảo hiểm](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Kinh-doanh-bao-hiem-2022-465916.aspx); chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải quy định tổng hạn mức cho các giao dịch thanh toán quy định tại khoản 2 Điều này qua tài khoản Tiền di động của 01 (một) khách hàng không lớn hơn tổng hạn mức giao dịch qua tài khoản Tiền di động đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó theo quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đảm bảo việc sử dụng tài khoản Tiền di động của khách hàng là phù hợp với hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động không đúng hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng theo quy định tại Nghị định này.  5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp khách hàng rút tiền từ tài khoản Tiền di động để thực hiện đóng vĩnh viễn tài khoản Tiền di động. | - Tại khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định tổng hạn mức giao dịch qua các tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động này tối đa là 100 triệu đồng/tháng.  - Tại Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức giao dịch không quá 10 triệu đồng/tháng/tài khoản cho tổng các giao dịch.  Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, NHNN báo cáo hạn mức 10 triệu đồng/tháng cho tổng các giao dịch được xem là chưa phù hợp với nhu cầu thực tế và làm giảm tính hấp dẫn của dịch vụ so với các phương thức khác; đồng thời, các doanh nghiệp thực hiện thí điểm đề xuất tăng hạn mức này. Đề nghị NHNN báo cáo, thuyết minh rõ hơn về vướng mắc trong quá trình triển khai thí điểm nội dung này và lý do đề xuất hạn mức cho tổng các giao dịch lên 100 triệu đồng/tháng. | Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ | Tiếp thu ý kiến, NHNN xây dựng hạn mức trên cơ sở đề xuất của Bộ KHCN, Bộ Công an, các doanh nghiệp thực hiện thí điểm và thực tiễn phù hợp với nhu cầu hiện nay. |
| Khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định hạn mức giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 10 không áp dụng đối với các giao dịch thanh toán: thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, điện, nước... Đề nghị làm rõ cơ sở của việc đưa ra giới hạn nêu trên.  Khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải quy định tổng hạn mức giao dịch thanh toán quy định tại khoản 2 Điều này qua tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng... Việc quy định cụ thể tổng hạn mức giao dịch thanh toán qua tài khoản Tiền di động của một khách hàng là vấn đề quan trọng của dự thảo Nghị định, có thể tác động hoặc hạn chế quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người sử dụng dịch vụ Tiền di động. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, quy định các nội dung mang tính chất nguyên tắc, định hướng về các trường hợp, tiêu chí xác định tổng hạn mức cho các giao dịch thanh toán, trên cơ sở đó, Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hướng dẫn cụ thể. Đồng thời, làm rõ hình thức Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng để hướng dẫn cho phù hợp. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu,  NHNN tiếp thu một phần và chỉnh sửa phù hợp. |
| **10** | Điều 14. Quản lý giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua dịch vụ Tiền di động là hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. | Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ... Quy định này là cần thiết, tuy nhiên, dự thảo Nghị định cần làm rõ nguyên tắc phải thực hiện khi áp dụng biện pháp giám sát. | Bộ Tư pháp | Không tiếp thu  Dự thảo đã quy định tổ chức cung ứng dịch vụ phải có biện pháp giám sát để đảm bảo hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các nguyên tắc áp dụng đã được quy định tại các điều khoản khác tại dự thảo: (i) Mọi giao dịch phải được thực hiện thông qua ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (ii) Giao dịch phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ, hợp pháp; (iii) Tổ chức cung ứng dịch vụ phải quy định, kiểm tra và lưu giữ các giấy tờ, chứng từ liên quan đến giao dịch thanh toán quốc tế; (iv) tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền |
| **11** | Điều 15. Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động | Điều 15 dự thảo Nghị định quy định điều kiện cung ứng dịch vụ tiền di động, trong đó, quy định các điều kiện kỹ thuật mang tính chuyên ngành liên quan đến công nghệ, thông tin, tín dụng, ngân hàng.... Nội dung này cần được thuyết minh rõ hơn về sự cần thiết phải có các điều kiện tại dự thảo Nghị định. Đồng thời, tiếp tục rà soát và hoàn thiện điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động, nhất là điều kiện về: có cán bộ chủ chốt, có hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp phục vụ cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn; phải có công cụ, giải pháp phù hợp... theo hướng bảo đảm: (i) phù hợp quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư; (ii) rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện, không phát sinh cơ chế xin - cho, không phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật không đúng quy định | Bộ Tư pháp | Đối với các nội dung liên quan đến điều kiện cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động, NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa theo tinh thần tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương “chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm…” |
| **12** | Điều 16. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |  |  |  |
| 4. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. | Đề nghị bỏ cụm từ “*Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước*”.  **Lý do:** tại Thông báo số 19-TB/TGV ngày 09/5/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã chỉ đạo “không duy trì (đóng giao diện) Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; không duy trì (đóng giao diện) Cổng Dịch vụ công cấp bộ chậm nhất đến hết tháng 2 năm 2026”. | Bộ KHCN | Đối với các nội dung liên quan đến cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động, NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa theo tinh thần tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương “chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm…” |
| **13** | Điều 17. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Đề nghị cân nhắc quy định thời hạn là 10 năm nhưng không quá thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng. | Bộ KHCN |
| Khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định về thời hạn xem xét cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ tiền di động là 90 ngày khi đáp ứng đủ các thành phần hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiến hành thẩm định Hồ sơ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thời hạn nêu trên theo hướng rút ngắn thời gian thẩm định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tiết giảm chi phí 5 thời gian và các chi phí không đáng có cho doanh nghiệp. Dự thảo Nghị định có quy định về “hồ sơ hợp lệ” (điểm a khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 1 Điều 19...). Để tránh phát sinh sự lúng túng, nhiều cách hiểu khác nhau trong việc đáp ứng quy định này; tránh phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tham khảo khoản 20 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để quy định rõ về cách hiểu thế nào là hồ sơ hợp lệ tại dự thảo Nghị định. | Bộ Tư pháp |
| Điều 20. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép một trong các trường hợp sau đây:a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này;c) Khi có hiệu lực bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hình sự có nội dung yêu cầu thu hồi Giấy phép của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc có văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hình sự đề nghị thu hồi Giấy phép của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;d) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng, lợi dụng tài khoản thanh toán, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;đ) Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho tổ chức vi phạm một trong các điều kiện trong quá trình cung ứng dịch vụ quy định tại Điều 15 Nghị định này và phải thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng tổ chức không khắc phục được;e) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động phát hiện trong thời hạn 06 tháng liên tục, tổ chức không thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp phép cho khách hàng. | Đề nghị bổ sung trường hợp thu hồi giấy phép cung ứng dịch vụ Tiền di động khi doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc khi giấy phép viễn thông hết hạn và doanh nghiệp không thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép viễn thông. | Bộ KHCN | Đối với các nội dung liên quan đến cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động, NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa theo tinh thần tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương “chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm…” |
| **14** | Khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định quy định các trường hợp thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. Đề nghị làm rõ ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì trường hợp tổ chức vi phạm quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định có bị thu hồi Giấy phép hay không? | Bộ Tư pháp | Đối với các nội dung liên quan đến thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động, NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng không quy định nội dung này |
| **15** | Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động: 1. Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối thẩm định đối với một số nội dung sau trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động:  a) Tại Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động:  (i) Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động: Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động sau khi được cấp Giấy phép; Việc thành lập một Đơn vị/bộ phận riêng để vận hành, triển khai việc cung ứng dịch vụ Tiền di động; Các nội dung liên quan khác (nếu có);  (ii) Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép: Phạm vi cung ứng; Đối tượng khách hàng; Điều kiện sử dụng dịch vụ; Sơ đồ và diễn giải các bước mở tài khoản Tiền di động (trong đó có quy trình về mở tài khoản Tiền di động bằng phương thức điện tử), định danh tài khoản Tiền di động; Phương án cụ thể để quản lý tách bạch tài khoản Tiền di động với tài khoản của SIM thuê bao di động (là tài khoản sử dụng cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động, dịch vụ viễn thông);  (iii) Quy định về cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán: Nội dung về công cụ để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát việc tuân thủ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với các hành vi bị cấm; Công cụ phản ánh đầy đủ thông tin về các tài khoản Tiền di động của khách hàng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp trên công cụ; Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  (iv) Quy định về việc lựa chọn và quản lý các điểm kinh doanh;  (v) Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp;  (vi) Quy định về xây dựng hệ thống theo dõi, kiểm soát để phản ánh chính xác doanh thu phát sinh từ việc cung ứng dịch vụ Tiền di động;  (vii) Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật;  (viii) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin; | Đề nghị sửa đổi như sau:  *“(i) … ~~Việc thành lập một Đơn vị/bộ phận riêng để vận hành, triển khai việc cung ứng dịch vụ Tiền di động~~; Các nội dung liên quan khác (nếu có)”.*  **Lý do:** Đề nghị không quy định nội dung này do đây không phải là một điều kiện để được cấp phép cung ứng dịch vụ. Ngoài ra việc yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ phải thành lập một đơn vị bộ phận riêng để vận hành, triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động khiến các tổ chức gặp khó khăn trong triển khai cũng như tốn thêm chi phí để vận hành và tuân thủ. Trên thị trường, các tổ chức cung cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cũng là tổ chức được kinh doanh đa ngành nghề và không quy định điều kiện này  (ii) Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép: Phạm vi cung ứng; Đối tượng khách hàng; Điều kiện sử dụng dịch vụ; Sơ đồ và diễn giải các bước mở tài khoản Tiền di động (trong đó có quy trình về mở tài khoản Tiền di động bằng phương thức điện tử), định danh tài khoản Tiền di động; Phương án cụ thể để quản lý tách bạch tài khoản Tiền di động với tài khoản **SIM di động** ~~của SIM thuê bao di động (là tài khoản sử dụng cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động, dịch vụ viễn thông)~~;”  - Đề nghị bỏ tiết iii, điểm a, khoản 1, Điều 23 ra khỏi nội dung trách nhiệm của Bộ KHCN trong việc là đầu mối thẩm định về quy định về cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán: Nội dung về công cụ để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát việc tuân thủ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với các hành vi bị cấm; Công cụ phản ánh đầy đủ thông tin về các tài khoản Tiền di động của khách hàng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp trên công cụ; Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ KHCN và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  Lý do:  - Trong quá trình thí điểm, với quan điểm thận trọng, việc xây dựng các công cụ bao gồm công cụ để giám sát các hành vi bị cấm, công cụ phản ánh thông tin tài khoản khách hàng là cần thiết để đảm bảo việc thực hiện thí điểm của các doanh nghiệp đúng quy định. Tuy nhiên, khi đã có quy định chính thức, việc cung ứng dịch vụ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và doanh nghiệp có trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện. Do đó việc xây dựng công cụ để các Bộ nói chung, trong đó có Bộ KHCN để truy cập vào nhằm quản lý, giám sát là không còn phù hợp, gây lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp và nhà nước. | Bộ KHCN | Đối với các nội dung liên quan đến cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động, NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa theo tinh thần tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương “chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm…”.  Tuy nhiên, khi xây dựng các quy định, trách nhiệm đối với từng bộ, NHNN nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Bộ KHCN và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định |
| - Đề nghị bỏ tiết vii, điểm a, khoản 1, Điều 23 ra khỏi trách nhiệm của Bộ KHCN trong việc là đầu mối thẩm định về quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật.  Lý do:  - Đối với nội dung về quy trình quản lý rủi ro trước đây trong quá trình thí điểm do NHNN chủ trì thẩm định, thực hiện, kiểm tra, đồng thời do đây là nghiệp vụ quản lý rủi ro trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt.  - Đối với nội dung về đảm bảo an toàn, bảo mật: nội dung này chưa có quy định tại dự thảo Nghị định và không rõ nội hàm Bộ KHCN phải thẩm định nội dung gì. Hiện nay, Bộ KHCN không có chức năng về việc đảm bảo an toàn thông tin, do đó đề nghị NHNN nghiên cứu quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán (quy định tại Điều 29, Nghị định số 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt) để chủ trì xây dựng nội dung quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật tại dự thảo Nghị định và chủ trì thẩm định nội dung này. |
| Đề nghị rà soát khoản 1 Điều 23, có điểm a mà không có điểm b. |
| 16 | Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công an trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Nội dung về công cụ để Bộ Công an khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát việc tuân thủ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với các hành vi bị cấm, công cụ phân tích đầy đủ thông tin về các tài khoản Tiền di động của khách hàng và quy trình kiểm tra trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp trên công cụ”. | Bộ CA | Tiếp thu |
| 17 | Điều 25. Trách nhiệm phối hợp trong công tác theo dõi, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dịch vụ Tiền di động 1. Bộ Khoa học và Công nghệ  a) Đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch hoặc trong trường hợp cần thiết (kiểm tra đột xuất) các tổ chức cung ứng dịch vụ, các điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ trong quá trình hoạt động, triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động. Cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền thanh tra khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc hành vi vi phạm quy định pháp luật về việc cung ứng dịch vụ Tiền di động. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong công tác thanh tra các tổ chức cung ứng dịch vụ Mobile-Money theo quy định của pháp luật.”  b) Thực hiện quản lý, giám sát các hoạt động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các điểm kinh doanh trong thời gian triển khai cung ứng dịch vụ để đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  c) Giám sát việc tuân thủ của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đối với các hành vi bị cấm, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  d) Quản lý việc thu phí dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  đ) Hướng dẫn và giải đáp vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dịch vụ liên quan tới việc sử dụng tài khoản viễn thông, ứng dụng viễn thông và Internet trong dịch vụ Tiền di động.  e) Phối hợp, chủ động cung cấp thông tin cho Bộ Công an về các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật để kịp thời triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn | - Đề nghị bỏ nội dung tại điểm b, điểm c, khoản 1, Điều 25 ra khỏi nội dung trách nhiệm của Bộ KHCN trong việc quản lý, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ; giám sát việc tuân thủ các hành vi bị cấm, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm.  Lý do: bản chất Tiền di động là dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, khi đã có quy định chính thức thì chịu sự quản lý, giám sát và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.  Tại Nghị định 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt đã có các quy định về giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, đề nghị NHNN nghiên cứu, chủ trì thực hiện nội dung này. Bộ KHCN sẽ phối hợp thực hiện quản lý theo chức năng, nhiệm vụ. | Bộ KHCN | - Không tiếp thu  Quy định này được kế thừa theo phân công nhiệm vụ tại Quy chế phối hợp 03 Bộ trong thời gian dịch vụ Mobile-Money thí điểm (nay là dịch vụ Tiền di động)  Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là các doanh nghiệp viễn thông, chịu sự quản lý, giám sát chuyên ngành của Bộ KHCN. Theo đó, Bộ KHCN thực hiện việc quản lý, giám sát theo nhiệm vụ đã được phân công trong giai đoạn thí điểm. |
| 3. Bộ Công an  a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh, đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Đề nghị bổ sung:  Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Tiếp thu | Tiếp thu  NHNN đã bổ sung tại dự thảo Nghị định |
| 18 | Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động b) Đảm bảo các điểm kinh doanh không chuyển giá trị thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động sang tài khoản Tiền di động; | Đề nghị thay thế cụm từ “*thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động*” bằng cụm từ “*thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động*” để phù hợp với khoản 1 Điều 61 Luật Viễn thông. | Bộ KHCN | Tiếp thu |
| **19** | Điều 32. Nghĩa vụ về thông tin, báo cáo 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động định kỳ hàng quý (báo cáo quý I, II và III), định kỳ năm cho NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA theo hướng dẫn của Bộ KHCN. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (thực hiện Quý I, II, III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.  3. Tổ chức cung ứng dịch Tiền di động có trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát trực tuyến để các NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động theo hướng dẫn của Bộ KHCN.  4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ cung cấp thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động của chủ tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận với chủ tài khoản. | Đề nghị bỏ quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 32 về việc Bộ KHCN hướng dẫn việc báo cáo định kỳ và hướng dẫn xây dựng công cụ giám sát trực tuyến. Lý do:  - Trong quá trình triển khai thí điểm, NHNN đã có hướng dẫn về việc báo cáo định kỳ và đột xuất tại công văn số 189/NHNN-TT ngày 12/01/2022, trong đó bao gồm 11 mẫu biểu báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất, được các doanh nghiệp thí điểm thực hiện một cách nghiêm túc. Do đó, đề nghị bổ sung các mẫu biểu báo cáo tại công văn số 189/NHNN-TT vào Phụ lục mẫu biểu báo cáo của Nghị định để có thể thực hiện ngay khi Nghị định có hiệu lực, không cần phải hướng dẫn ở văn bản khác.  - Đối với nội dung về hướng dẫn xây dựng công cụ giám sát trực tuyến, Bộ KHCN đã có ý kiến tại mục 2.1 nêu trên, việc quy định này không còn phù hợp khi ban hành Nghị định chính thức. Do đó đề nghị bỏ nội dung hướng dẫn này. | Bộ KHCN | Tiếp thu:  NHNN đã dự thảo mẫu biểu báo cáo dịch vụ Tiền di động đính kèm dự thảo Nghị định. |
| **20** | Điều 35. Quy định chuyển tiếp1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 17 Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước để xem xét cấp Giấy phép.2. Sau 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho phép các doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money, gia hạn thời gian thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money hết hiệu lực. | Tại khoản 1 Điều 35 (Quy định chuyển tiếp) dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát việc sử dụng cụm từ “tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động” cho phù hợp.  Lý do: khoản 1 Điều 35 quy định, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động (Giấy 2 phép). Tuy nhiên, khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là tổ chức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép. Theo đó, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là tổ chức đã được cấp Giấy phép, việc quy định tổ chức này có trách nhiệm đề nghị cấp Giấy phép tại khoản 1 Điều 35 là chưa phù hợp | Bộ Nội vụ | Tiếp thu.  NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định |
|  | Để phù hợp với tính chất chuyển tiếp của quy định, đề nghị chỉnh lý lại khoản 1 Điều 35 dự thảo Nghị định theo hướng: “các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định tại Quyết định số 316/QĐ-TTg (hoặc trước ngày Nghị định này có hiệu lực) có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục và gửi Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 17 Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xem xét cấp Giấy phép”. Khoản 1 Điều 35 dự thảo Nghị định không quy định thời hạn cho các tổ chức cung ứng dịch vụ đã hoạt động trước đây để hoàn thiện thủ tục và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xem xét, cấp Giấy phép. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ lý do của việc không quy định về thời hạn chuyển tiếp, nhất là các quy định liên quan đến điều kiện cấp Giấy phép, trình tự, thủ tục, hồ sơ để cấp Giấy phép có thể là những quy định mới, nếu không có thời gian để hoàn thiện, bổ sung, dễ dẫn đến lúng túng, bất cập trong tổ chức thực hiện 7 (ví dụ: doanh nghiệp có thể phải tạm dừng hoạt động cung ứng dịch vụ, các khách hàng phải tạm ngừng sử dụng tài khoản Tiền di động để thanh toán) vì chưa được cấp Giấy phép mới theo dự thảo Nghị định này.  Dự thảo Nghị định cũng cần được rà soát, bổ sung quy định xử lý các hệ quả (nếu có) sau khi các văn bản cho phép thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Tiền di động hết hiệu lực thi hành. Ví dụ: (i) nếu các tổ chức đang cung ứng thí điểm dịch vụ Tiền di động không làm thủ tục cấp Giấy phép mới theo quy định tại dự thảo Nghị định này thì phải chấm dứt cung ứng dịch vụ; (ii) cơ chế, chính sách giải quyết các giao dịch, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan sau khi chấm dứt cung ứng dịch vụ hoặc để xử lý các hệ quả khác (nếu có)…; bảo đảm không có khoảng trống pháp lý và có đầy đủ cơ sở pháp lý xử lý xung đột pháp luật khi có cùng một vấn đề được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật khác nhau và tại thời điểm khác nhau sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, NHNN nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp |
| **21** | Mẫu biểu số 01 Về nội dung đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động: Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ Tiền di động:  - Việc mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.  - Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động.  - Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động   - Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  - Công cụ để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát việc tuân thủ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với các hành vi bị cấm;  - Công cụ phản ánh đầy đủ thông tin về các tài khoản Tiền di động của khách hàng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp trên công cụ. | Đề nghị sửa đổi như sau:  “*Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ Tiền di động:*  *- Việc mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.*  *- Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động.*  *- Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động*  *- Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam~~, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an~~ có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;*  *~~- Công cụ để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát việc tuân thủ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với các hành vi bị cấm;~~*  *~~- Công cụ phản ánh đầy đủ thông tin về các tài khoản Tiền di động của khách hàng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp trên công cụ.~~”*  **Lý do:**  - Trong quá trình thí điểm, với quan điểm thận trọng, việc xây dựng các công cụ bao gồm công cụ để giám sát các hành vi bị cấm, công cụ phản ánh thông tin tài khoản khách hàng là cần thiết để đảm bảo việc thực hiện thí điểm của các doanh nghiệp đúng quy định. Tuy nhiên, khi đã có quy định chính thức, việc cung ứng dịch vụ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và doanh nghiệp có trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện. Do đó việc xây dựng công cụ để các Bộ nói chung, trong đó có Bộ KHCN để truy cập vào nhằm quản lý, giám sát là không còn phù hợp, gây lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp và nhà nước.  - Đối với công cụ giám sát số dư tài khoản đảm bảo thanh toán: nội dung này trước đây trong giai đoạn thí điểm do NHNN chủ trì thẩm định, thực hiện, liên quan đến trách nhiệm của NHNN trong việc quản lý số dư tài khoản đảm bảo thanh toán. Ngoài ra, qua nghiên cứu của Bộ KHCN, nội dung về công cụ này đã có quy định tương tự tại Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 41/2024/TT-NHNN của NHNN, trong đó tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát trực tuyến để NHNN giám sát một số thông tin và số dư tài khoản đảm bảo thanh toán. | Bộ KHCN | Tiếp thu.  NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa theo tinh thần tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương “chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm…” |
| **III** | **MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC** |  |  |  |
| **1** |  | Đề nghị thống nhất sử dụng thuật ngữ *“Tiền di động”* thay thế cho *“Mobile Money”* trong toàn văn bản (khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định vẫn sử dụng Mobile Money). | Bộ Công an, Bộ KHCN, Bộ Ngoại giao | Tiếp thu, NHNN đã chỉnh sửa phù hợp |
| **2** |  | Về phí dịch vụ Tiền di động Việc cung cấp dịch vụ thanh toán qua tài khoản viễn thông đối với hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ theo Quyết định số 316/QĐ-TTg thì không quy định việc thu phí dịch vụ của khách hàng. Dự thảo Nghị định cũng không quy định về nội dung này trong khi phạm vi cung cấp dịch vụ và hạn mức giao dịch qua tài khoản Tiền di động đã được mở rộng, bao gồm có thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài. Để bảo đảm minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ tài khoản Tiền di động và tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, dự thảo Nghị định cần quy định rõ cơ chế pháp lý về việc thu hay không thu phí dịch vụ. Trường hợp có áp dụng thu phí thì cơ chế pháp lý giới hạn việc lạm dụng thu phí cũng cần được quy định rõ. | Bộ Tư pháp | NHNN thấy rằng việc thu phí sẽ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức cung ứng dịch vụ và khách hàng trên cơ sở tuân thủ quy định có liên quan. |
| **3** |  | Tại Mục 1 Chương III Dự thảo Nghị định mới chỉ dừng lại ở các quy định về trách nhiệm đầu mối của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan đến quản lý nhà nước về cung ứng dịch vụ Tiền di động mà chưa làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước chung của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và từng Bộ, ngành có liên quan đến cung ứng dịch vụ Tiền di động. Việc quy định như trên chưa phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, theo đó “Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện; từng bước xóa bỏ cơ chế phối hợp liên ngành, gắn với việc xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu…”. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định pháp luật về chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ KHCN, Bộ Công An để tiếp tục hoàn thiện, trong đó làm rõ cơ quan có trách nhiệm chính trong quản lý nhà nước về dịch vụ Tiền di động và trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan chủ trì với các Bộ, ngành nói riêng đảm bảo đúng nguyên tắc: rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm được giao..; gắn với cơ chế “hậu kiểm” hợp lý, khả thi. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, NHNN nghiên cứu, chính sửa phù hợp |
| **4** |  | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại kỹ thuật soạn thảo văn bản cho chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất; đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15); rà soát lại dự thảo Nghị định để đảm bảo đúng ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) | Bộ Tư pháp | Tiếp thu |
| **5** |  | Về thủ tục hành chính, hồ sơ văn bản  1. Theo dự thảo Bản đánh giá thủ tục hành chính, dự thảo Nghị định có 04 thủ tục hành chính (TTHC), cơ quan chủ trì soạn thảo cần liệt kê cụ thể các TTHC và bổ sung thông tin về việc đánh giá tác động các TTHC tại Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, như đã đề cập tại mục II.3.1, II.5 Công văn này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc, làm rõ quy định giao Bộ KHCN quy định về việc mở tài khoản Tiền di động; Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động quy định tổng hạn mức giao dịch, điều kiện sử dụng dịch vụ tại dự thảo Nghị định vì những quy định nêu trên có thể làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc điều kiện về đầu tư kinh doanh hoặc chưa phù hợp với yêu cầu tại điểm d khoản 5 Điều 7 Luật Đầu tư.  2. Về cách thức và hình thức thành phần hồ sơ, đề nghị bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm đúng tinh thần đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Theo đó, rà soát quy định cụ thể hình thức các thành phần hồ sơ để bảo đảm thực hiện được trên môi trường điện tử.  3. Về hồ sơ văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tuân thủ đúng thủ tục, trình tự soạn thảo văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và quy định tại Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); cần lấy ý kiến rộng rãi đối tượng chịu sự tác động của văn bản, chuyên gia, nhà khoa học và người làm thực tiễn (và phải tiếp thu, giải trình đầy đủ tất cả các ý kiến tham gia) để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định (cũng như các tài liệu kèm theo), đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi của văn bản  - Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và lưu ý bổ sung nội dung “nêu rõ: nội dung sửa đổi, hoàn thiện; nội dung bổ sung; nội dung lược bỏ; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết” theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn rà soát dự thảo Nghị định bảo đảm tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựngpháp luật; (ii) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó có yêu cầu không được: “chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ” - điểm d khoản 2 Điều 9); (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); và (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ… Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các chủ trương lớn, chỉ đạo của Đảng và chính sách của Nhà nước nêu trên để làm rõ (và cần phải khẳng định) dự thảo Nghị định đã phù hợp, thể chế hóa đúng và đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách Nhà nước tại Tờ trình Chính phủ. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, NHNN nghiên cứu hoàn thiện |
| **6** |  | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại kỹ thuật soạn thảo văn bản cho chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất; đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15); rà soát lại dự thảo Nghị định để đảm bảo đúng ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, NHNN rà soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. |
| **7** | **Về việc ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh đối với hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động tại dự thảo Tờ trình Chính phủ** | Theo khoản 9 Điều 3 Luật Đầu tư, điều kiện đầu tư kinh doanh là điều kiện cá nhân, tổ chức phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo khoản 2 Điều 7 Luật Đầu tư, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư.  Như vậy, căn cứ/cơ sở ban hành các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh phải trên cơ sở Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư. Mục 233 Phụ lục IV Luật Đầu tư về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có ngành, nghề *“Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng”*.  Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ (trang 15), NHNN báo cáo: *“…dịch vụ Tiền di động không phải là dịch vụ thanh toán qua hoặc không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, cũng không phải là phương tiện thanh toán theo quy định pháp lý hiện hành (được trích dẫn ở trên) và chưa được quy định chính thức ở một văn bản pháp lý nào”.*  Do đó, đề nghị NHNN thuyết minh, giải trình rõ hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động có thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư hay không, trên cơ sở đó mới có căn cứ ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh đối với hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Bộ Tài chính | Tiếp thu. NHNN đang cứu, chỉnh sửa trên tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương “chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm…” |
| **8** | **Về nội dung điều kiện đầu tư kinh doanh** | Tại dự thảo Nghị định có quy định về điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động, cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động (từ Điều 15 đến Điều 20); trong đó, bao gồm rất nhiều yêu cầu, điều kiện mang tính cấp phép (như có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử; có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện;…) hoặc yêu cầu kỹ thuật (như điều kiện về nhân sự; có Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động;…).  Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Bộ Chính trị đã có chủ trương xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý.  Tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã có chủ trương *“chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế”.*  Đề nghị NHNN cân nhắc rà soát các quy định liên quan đến điều kiện cung ứng dịch vụ theo hướng đơn giản, thông thoáng. Đồng thời, nghiên cứu để quy định các thủ tục mang tính cấp phép tại dự thảo Nghị định theo hướng doanh nghiệp được phép hoạt động khi đáp ứng điều kiện và thông báo cho NHNN biết, hậu kiểm (chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm) theo tinh thần Nghị quyết 66-NQ/TW và Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị. |
| **9** |  | Cân nhắc có biện pháp và chế tài để bảo vệ người sử dụng dịch vụ Tiền di động trước những rủi ro về lừa đảo trực tuyến và tội phạm mạng ngày càng gia tăng. | Bộ Ngoại giao | Tiếp thu |

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

1. Ngày 15/4/2025, Chính phủ có Nghị quyết số 87/NQ-CP gia hạn thời gian thực hiện thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ tại Quyết định số [316/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-316-QD-TTg-2021-thi-diem-dung-tai-khoan-vien-thong-thanh-toan-dich-vu-gia-tri-nho-467105.aspx) đến hết ngày 31/12/2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. *31. Người sử dụng dịch vụ viễn thông là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông với doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý dịch vụ viễn thông.* [↑](#footnote-ref-2)